TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KỲ SƠN** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2024/HNGĐ-ST
Ngày 26-12-2024
V/v tranh chấp về nuôi con, chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KỲ SƠN, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vi Thị Khuyên.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Vân;
Ông Lầu Bá Chò.

- Thư ký phiên toà: Ông Quang Thái Tài - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An *tham gia phiên toà*: Ông Và Bá Của - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kỳ Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2024 về "Tranh chấp về nuôi con, chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2024/QĐXX-ST ngày 10 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ven Thị T, sinh năm 1988;

Nơi cư trú: Bản K, xã C, huyện K, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Lữ Văn D; sinh năm 1985;

Nơi cư trú: Bản K, xã C, huyện K, tỉnh Nghệ An.

Hiện đang thi hành án phạt tù tại: Đội 1 – K1 – Trại giam Đồng Sơn (Tổ dân phố 9, Phường Đồng Sơn, TP Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình). Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Ven Thị T vắng mặt, tuy nhiên theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Ven Thị T trình bày:

Về quan hệ tình cảm: Chị Ven Thị T và anh Lữ Văn tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2004, không đăng ký kết hôn tại UBND xã phường, thị trấn mà chỉ tổ chức lễ cưới, mời hai họ, anh em tới dự lễ cưới theo phong tục tại địa

phương. Thời gian đầu chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc, về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Lữ Văn D sa đà vào tệ nạn xã hội và nghiện ma túy. Chị Ven Thị T và gia đình nội ngoại hai bên đã khuyên nhủ nhưng anh Lữ Văn D vẫn không thay đổi. Anh Lữ Văn D nhiều lần phải đi cai nghiện và bị bắt đi thi hành án phạt tù về tội phạm ma túy. Đến đầu năm 2023 anh Lữ Văn D tiếp tục bị bắt đi thi hành án phạt tù về tội phạm ma túy, hiện đang thi hành án tại Trại giam Đồng Sơn. Nay tình cảm không còn chị Ven Thị T không muốn tiếp tục chung sống đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố chị và anh Lữ Văn D không phải là vợ chồng.

Về con chung: Chị Ven Thị T và anh Lữ Văn D có 01 con chung là cháu Lữ Thị X, sinh ngày 20/01/2009. Nay ly hôn chị Ven Thị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con trưởng thành. Không yêu cầu anh Lữ Văn D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Nguyên đơn chị Ven Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về yêu cầu của anh Lữ Văn D: Yêu cầu chị Ven Thị T phải bồi thường 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu) tiền cưới hỏi, chị Ven Thị T không đồng ý với yêu cầu của anh Lữ Văn D vì lúc cưới vợ chồng tự nguyện về chung sống với nhau, không ai bị ép buộc và đã được hai bên gia đình đồng thuận thì mới tổ chức đám cưới.

Tại phiên tòa bị đơn anh Lữ Văn D vắng mặt, trong quá trình giải quyết vụ án anh đang thi hành án phạt tù tại Trại giam Đồng Sơn không thể có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án nên đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và đã trình bày:

Về quan hệ tình cảm: Anh Lữ Văn D thừa nhận về thời gian, địa điểm chung sống đúng như chị Ven Thị T trình bày. Trong khoảng thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường và hạnh phúc. Tuy nhiên, cho đến khi anh Lữ Văn D sa đà vào tệ nạn ma túy thì giữa hai bên phát sinh mâu thuẫn. Hiện nay, anh Lữ Văn D không đồng ý giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với chị Ven Thị T vì giữa anh và chị Ven Thị T còn có 01 người con chung, nếu ly hôn anh Lữ Văn D có nguyện vọng khi nào anh thi hành xong án phạt tù trở về địa phương thì mới ly hôn hoặc chị Ven Thị T bồi thường cho anh 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu) tiền cưới hỏi thì anh Lữ Văn D mới đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Ven Thị T có 01 con chung là cháu Lữ Thị X, sinh ngày 20/01/2009. Trường hợp Tòa án giải quyết không công nhận anh và chị Ven Thị T là vợ chồng, anh Lữ Văn D có nguyện vọng giao con chung cho bố mẹ anh Lữ Văn D nuôi dưỡng chăm sóc, không yêu cầu chị Ven Thị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Bị đơn anh Lữ Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền, xác định quan hệ tranh chấp; Trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ, tống đạt đảm bảo quyền của đương sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự từ Điều 239 đến Điều 260 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của Thư ký phiên tòa được thực hiện đúng quy định tại Điều 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 9, 14, 15, 53, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Về hôn nhân: Không công nhận chị Ven Thị T và anh Lữ Văn D là vợ chồng; về con chung: Giao con chung là cháu Lữ Thị X, sinh ngày 20/01/2009 cho chị Ven Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Lữ Văn D do chị Ven Thị T không yêu cầu; về tài sản chung và các khoản nợ chung: Chị Ven Thị T và anh Lữ Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; về yêu cầu của bị đơn đối với số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu) tiền cưới hỏi là không có căn cứ nên không xem xét; về án phí: Chị Ven Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Ven Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh Lữ Văn D là vợ chồng, bị đơn anh Lữ Văn D có địa chỉ cư trú tại xã Chiêu Lưu, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An. Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về "Tranh chấp về nuôi con, tài sản của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn theo quy định tại khoản 7 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ kiện Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Ven Thị T vắng mặt phiên tòa (có đơn xin xét xử vắng mặt); bị đơn anh Lữ Văn D vắng mặt do đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Đồng Sơn và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong quá trình giải quyết các đương sự đã có lời khai đầy đủ tại hồ sơ vụ án. Do đó việc giải quyết vụ án, xét xử vụ án vắng mặt

nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại Điều 207, 208 và Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ tình cảm chung sống với nhau như vợ chồng: Chị Ven Thị T và anh Lữ Văn D tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2004 đến nay, không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền mà chỉ làm lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương nên theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình thì quan hệ giữa chị Ven Thị T và anh Lữ Văn D không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ và chồng. Sau thời gian chung sống với nhau thì giữa hai người phát sinh nhiều nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Lữ Văn D sa đà vào tệ nạn ma túy. Chị Ven Thị T và gia đình nội ngoại hai bên đã khuyên nhủ nhưng anh Lữ Văn D vẫn không thay đổi. Anh Lữ Văn D đã nhiều lần phải đi cai nghiện và bị bắt đi thi hành án phạt tù về tội phạm ma túy. Đến đầu năm 2023, anh Lữ Văn D tiếp tục bị bắt đi thi hành án phạt tù về tội phạm ma túy, hiện đang thi hành án tại Trại giam Đồng Sơn. Nay tình cảm không còn chị Ven Thị T không muốn tiếp tục chung sống đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận chị và anh Lữ Văn D là vợ chồng. Xét thấy, việc chung sống, thời gian chung sống giữa chị Ven Thị T và anh Lữ Văn D là đúng thực tế, nay có bên yêu cầu ly hôn nên căn cứ các Điều 9, 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố chị Ven Thị T và anh Lữ Văn D không phải là vợ chồng.

[3.2] Về con chung: Chị Ven Thị T và anh Lữ Văn D trong thời gian chung sống có 01 con chung là cháu Lữ Thị X, sinh ngày 20/01/2009. Nay ly hôn, chị Ven Thị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Lữ Thị X cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu anh Lữ Văn D phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Lữ Văn D có nguyện vọng giao con chung cho bố mẹ anh Lữ Văn D nuôi dưỡng chăm sóc, không yêu cầu chị Ven Thị T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, yêu cầu của chị Ven Thị T và anh Lữ Văn D là tự nguyện và chính đáng. Tuy nhiên, anh Lữ Văn D đang phải thi hành hình phạt tù và Luật Hôn nhân và gia đình hiện hành quy định cha mẹ có quyền và nghĩa nuôi dưỡng chăm sóc con chung, vì vậy không thể giao con chung cho bên thứ ba, ngoại trừ cha mẹ. Quá trình giải quyết vụ án, qua xác minh thì bố mẹ anh Lữ Văn D là ông Lữ Văn Q và bà Moong Thị X hiện nay đã lớn tuổi, nên việc giao con chung cho ông bà nuôi dưỡng, chăm sóc là không đảm bảo cho việc phát triển về thể chất, học tập và các điều kiện khác. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của anh Lữ Văn D. Ngoài ra, cháu Lữ Thị X có đơn nguyện vọng xin ở với chị Ven Thị T, chị Ven Thị T có đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, cần giao con chung là cháu Lữ Thị X, sinh ngày 20/01/2009 cho chị Ven Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp, đúng quy định, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Do chị Ven Thị T không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng đối với anh Lữ Văn D. Trường hợp chị Ven Thị T

nuôi con không đảm bảo quyền, lợi ích của con mà anh Lữ Văn D có căn cứ chứng minh thì có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án xem xét, thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp anh Lữ Văn D lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Ven Thị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Lữ Văn D.

[3.3] Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Chị Ven Thị T và anh Lữ Văn D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với yêu cầu của anh Lữ Văn D: Yêu cầu chị Ven Thị T bồi thường 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu) tiền cưới hỏi, Hội đồng xét xử, thấy rằng anh Lữ Văn D và chị Ven Thị T tự nguyện tìm hiểu và tổ chức lễ cưới theo phong tục tại địa phương, nay anh Lữ Văn D yêu cầu chị Ven Thị T bồi thường số tiền cưới hỏi là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Các đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc giải quyết toàn bộ vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Ven Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Ven Thị T.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Ven Thị T và anh Lữ Văn D là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lữ Thị X, sinh ngày 20/01/2009 cho chị Ven Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Lữ Văn D. Anh Lữ Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở. Trường hợp chị Ven Thị T là người trực tiếp nuôi con chung không đảm bảo quyền, lợi ích của con mà anh Lữ Văn D có căn cứ chứng minh thì anh Lữ Văn D có quyền yêu cầu Tòa án xem xét, thay đổi người

trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp anh Lữ Văn D lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Ven Thị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Lữ Văn D.

3. Về án phí: Chị Ven Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đã nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo biên lai thu số 0001101 ngày 23/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An. (Chị Ven Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND huyện Kỳ Sơn;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS huyện Kỳ Sơn;
- Lưu hồ sơ; VP.TA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Vi Thị Khuyên